

Số: 2337/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 01 tháng 6 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí Thôn, bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020.**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới, giai đoạn 2017-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại tờ trình số 1194/TTr-SNN-VPĐP ngày 26/5/2017 về việc đề nghị ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã Miền núi tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017-2020 (có Bộ tiêu chí kèm theo).

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành như sau:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT- Cơ quan thường trực Ban tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tỉnh: chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí.

2. Giao các sở, ban ngành liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn các xã, thôn, bản triển khai các nội dung tiêu chí do sở, ban, ngành mình phụ trách.

*lu*

3. Giao Chủ tịch UBND các huyện chỉ đạo các xã lựa chọn thôn, bản để thực hiện; lập kế hoạch, giám sát, kiểm tra, đôn đốc các thôn, bản đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định 1263 ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về Ban hành quy định tạm thời Bộ tiêu chí thôn, bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Nghệ An.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Chủ tịch UBND các xã miền núi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. NĐ

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Văn phòng Điều phối TW (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch NN;
- PVP TC;
- Lưu: VT, NN (Minh).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đường**

**BỘ TIÊU CHÍ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2334~~/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu thôn, bản	
				Các xã khu vực I	Các xã khu vực II và III
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		≥ 70%	≥ 50%
		1.2. Đường ngõ, xóm: Tỷ lệ đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	100% (Đạt tỷ lệ ≥70% cứng hóa)	100% (Đạt tỷ lệ ≥50% cứng hóa)
		1.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		≥ 70%	≥ 50%
2	Thủy lợi	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80 % trở lên	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn	≥ 95%	≥ 98%	≥ 95%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đạt	Đạt	Đạt
5	Nhà ở dân cư	5.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát	Không	Không	Không

NY



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu thôn, bản	
				Các xã khu vực I	Các xã khu vực II và III
		5.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; Diện tích nhà đạt từ 10m <sup>2</sup> /người trở lên; niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên).		≥ 80%	≥ 75%
		5.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt	Đạt	Đạt
		5.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)	Đạt	Đạt	Đạt
		5.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt
6	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn, bản (triệu đồng/người/năm)	Năm 2017	≥ 26	≥ 26
			Năm 2018	≥ 30	≥ 30
			Năm 2019	≥ 33	≥ 33
			Năm 2020	≥ 36	≥ 36
7	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (áp dụng theo chuẩn nghèo hàng năm của Bộ Lao động Thương binh và xã hội)		≤ 5%	≤ 12%
8	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	Đạt	Đạt
9	Giáo dục và đào tạo	9.1. Huy động được 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tỷ lệ học đúng độ tuổi đạt từ 90% trở lên; trẻ hoàn thành chương trình Tiểu học và học lớp 6 THCS đạt 100%	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Học sinh bỏ học không quá 1%, học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp có xếp loại) không quá 2%; không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật ở bậc Tiểu học, THCS	Đạt	Đạt	Đạt

MU

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu thôn, bản	
				Các xã khu vực I	Các xã khu vực II và III
		9.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (phổ thông, hồ túc, học nghề)	≥ 70%	≥ 85%	≥ 70%
		9.4. Thôn, bản có điểm trường thi phòng học không tạm bợ, hènghê học sinh đúng tiêu chuẩn; khuôn viên điểm trường có bờ rào, sạch sẽ, đủ diện tích quy định theo số lượng học sinh của cấp lớp		80%	70%
		9.5. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo		≥ 40%	≥ 25%
10	Văn hóa	10.1. Thôn, bản được công nhận và giữ danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”	Đạt	Đạt	Đạt
		10.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”		≥ 80%	≥ 70%
		10.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	≥ 70%	≥ 70%	≥ 70%
		10.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, bản; tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%	100%	100%
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥ 85%	≥ 85%	≥ 85%
		11.2. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Lồng ghép các hoạt động của nhân viên y tế thôn, bản với cộng tác viên của các chương trình y tế, hàng tháng có giao ban chuyên môn với TYT xã	Đạt	Đạt	Đạt
		11.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao tối thiểu)		≤ 24.2%	≤ 26.7%
12	Môi trường và an toàn thực phẩm	12.1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh		≥ 98%	≥ 90%
		12.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo “3 sạch” (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)		≥ 85%	≥ 70%



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu thôn, bản	
				Các xã khu vực I	Các xã khu vực II và III
		12.3. Thôn, bản có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hồ thu gom và xử lý rác thải tại gia theo quy định	100%	100%	100%
		12.4. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo môi trường	100%	Đạt	Đạt
		12.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
13	Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật	13.1. Thôn, bản phải có chi bộ; hàng năm chi bộ thôn, bản phải đạt danh hiệu “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Thôn, bản và các tổ chức đoàn thể trong thôn đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
14	An ninh trật tự xã hội	Thôn, bản đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: Không có hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ nội bộ nhân dân; không có các hoạt động truyền đạo trái phép; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án trên địa bàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt
15	Tuân thủ pháp luật, quy ước, hương ước	15.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản)	100%	100%	100%
		15.2. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đã thông nhất trong cộng đồng dân cư thôn, bản	Đạt	Đạt	Đạt

*Mỹ*